

Bản án số: **07/2020/HS-ST**

Ngày 03-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dương;

2. Ông Nguyễn Duy Tuấn;

3. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 16/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 15/12/2020, đối với bị cáo: **NGUYỄN THỊ T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/7/1969.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường C H, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị S; có chồng là Lý Xuân Đ1 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Trại giam T16, Bộ Công an từ ngày 29/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: Luật sư Nguyễn Mạnh A, Văn phòng Luật sư AT, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử, (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Lưu T1, tên gọi khác (Trần Lưu T1), sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 5, phường C H, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h45 phút ngày 18/5/2011, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an phối hợp với Công an tỉnh Hòa Bình, Công an huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình bắt quả tang Tráng A C2, sinh năm 1977 tại xã V H, huyện M C, nay là huyện V H, tỉnh Sơn La, đang vận chuyển trái phép 50 bánh Heroine và 400 viên ma túy tổng hợp trên quốc lộ 6A, thuộc địa bàn xã PP, huyện TL, tỉnh Hòa Bình. Ngày 23/5/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự Tráng A C2 và đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố 30 bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chống người thi hành công vụ”, trong đó có Nguyễn Thị T bị khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, do T bỏ trốn khỏi nơi cư trú, ngày 24/02/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định truy nã đối với T.

Ngày 07/11/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã có Kết luận điều tra vụ án số 08/C47-P6 và chuyển hồ sơ vụ án đến Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị truy tố Tráng A C2 cùng 26 bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, “Che giấu tội phạm”. Đồng thời đã ra quyết định tách vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chờ khi nào bắt được sẽ xử lý bằng vụ án độc lập.

Ngày 06/01/2014, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có cáo trạng số 03/VKSTC-V1C truy tố Tráng A C2 cùng 25 bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, “Che giấu tội phạm”.

Ngày 06/6/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tại Bản án số: 14/2014/HSST tuyên bị cáo Tráng A C2 cùng 25 bị cáo phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, “Không tố giác tội phạm”. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo, trong đó: Kết tội bị cáo Trần Thị Lưu T1 (Trần Lưu T1) mua bán trái phép 22 lần, tổng số 225 bánh heroine, tổng khối lượng 79.123,834 gam và 600 viên ma túy tổng hợp có khối lượng 59,88 gam xử phạt tử hình; Nguyễn Ngọc T2 mua bán trái phép 130 bánh heroine, tổng khối lượng 43.789,9 gam xử phạt tử hình; Chu Thanh V mua bán trái phép 65 bánh Heroine, tổng khối lượng 22.894,95 gam xử phạt tù chung thân; Lương Đức C mua bán trái phép 03 bánh Heroine và 150 gam Heroine, tổng khối lượng 1.206,69 gam xử phạt 15 năm tù, tổng hợp hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, buộc chấp hành hình phạt chung là 18 năm tù; Trịnh Văn B mua bán trái phép 01 bánh Heroine khối lượng 332,354 gam Heroine xử phạt 15 năm tù; Lương Đức C và Trịnh Văn B không kháng cáo.

Ngày 29/11/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội) tiến hành xét xử phúc thẩm, tại Bản án số 562/2014/HSPT quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với 13 bị cáo, trong đó có Trần Lưu T1, Nguyễn Ngọc T2, Chu Thanh V.

Ngày 29/4/2020, Nguyễn Thị T đã bị bắt theo Lệnh truy nã, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra bị can và Lệnh tạm giam đối với T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để tiến hành điều tra.

Quá trình điều tra vụ án có đủ căn cứ kết luận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T như sau: Trong quá trình đánh bạc, do thua bạc H (không xác định được nhân thân) đã vay của T 20 triệu đồng, do không có tiền trả nợ, H đã nhờ T bán hộ 01 bánh Heroine với giá 165 triệu đồng để trừ nợ, số tiền còn lại trả cho H, T mang bánh Heroine về nhà mình cất giấu. Ngày 19/8/2011, Trần Lưu T1 hỏi mua 01 bánh Heroine của T với giá 165 triệu đồng, T bán cho T2, sau đó T2 bán cho Lương Đức C với giá 170 triệu đồng và 200 viên ma túy tổng hợp với giá 15 triệu đồng, C lại bán tiếp cho Trịnh Văn B với giá 180 triệu đồng, B lấy 01 cục Heroine chia thành nhiều gói nhỏ, với ý định nếu gặp khách sẽ bán kiếm lời, B lấy một ít Heroine cùng C sử dụng.

Khoảng 3h ngày 20/8/2011, B mang bánh Heroine đi từ nhà C ra đường quốc lộ 3 Thái Nguyên - Hà Nội, để gặp T3 (do quen biết từ trước) và đưa cho T3 bánh Heroine, B đi xe ôm xuống bến xe M Đ trước, còn T3 bắt xe ô tô khách đi sau. Khi đến bến xe M Đ, B điện thoại cho T3 bảo đi lên đầu cầu TL1 gặp nhau rồi cả hai cùng đi xe khách về bến xe M Đ. Tại bến xe M Đ, T3 đưa bánh Heroine cho B cầm và bảo T3 đi xe khách vào miền Nam trước, còn B đi sau, trên đường đi sẽ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Sau đó B đón xe khách đi ĐL thì bị Công an đồn Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội bắt quả tang, thu giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số: 3190/PC54 ngày 27/9/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: 01 gói nilon đựng chất bột màu trắng là bột Heroine, cân nặng bột là 8,162 gam; 01 gói nilon đựng tinh thể màu trắng là Methamphetamine, cân nặng: 0,860 gam; 09 gói nilon đựng chất bột màu trắng là Heroine, cân nặng bột là 324,192 gam. Tổng khối lượng Heroine đã thu giữ của Trịnh Văn B là 332,354 gam. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng xác định khối lượng 01 bánh Heroine do Nguyễn Thị T và đồng phạm mua bán trái phép bằng khối lượng Heroine thu giữ khi bắt quả tang Trịnh Văn B là 332,354 gam.

Bản cáo trạng số: 76/CT-VKSTC-V4, ngày 12/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999,(nay là điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo tù chung thân. Phạt tiền bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T,tạm giữ 02 điện thoại di động Iphone màu vàng đã qua sử dụng, có số model A1784 và số Emei 354388061449048 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh đặc biệt của bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo khác, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 14 đến 15 năm tù.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng

khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/8/2011, tại nhà bị cáo ở tổ 11, thị trấn C H, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên, (nay là tổ 5, phường C H, Tp. Thái Nguyên) bị cáo đã có hành vi bán trái phép 01 bánh Heroine có khối lượng 332,354 gam cho Trần Thị Lưu T1 với giá 165 triệu đồng, nguồn gốc bánh heroine nêu trên là do bị cáo mua của người đàn ông tên H (không xác định rõ nhân thân) bán cho bị cáo để trừ nợ. Sau đó T2 lại bán tiếp cho Lương Đức C với giá 170 triệu đồng, C lại bán cho Trịnh Văn B với giá 180 triệu đồng. Ngày 20/8/2011, B vận chuyển bánh heroine nêu trên đi ĐL tiêu thụ, thì bị Công an đồn Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội bắt quả tang thu giữ tang vật. Các bị cáo Trần Lưu T1, Lương Đức C và Trịnh Văn B đã bị xét xử về hành vi mua bán trái phép 01 bánh heroine nêu trên, vụ án đã qua hai cấp xét xử và Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

...b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác. Tính chất đặc biệt nghiêm trọng trong vụ án này, thể hiện ở trọng lượng ma túy do bị cáo mua bán trái phép và được mua đi, bán lại nhiều lần giữa các đối tượng nhằm kiếm lời. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, Cơ quan chức năng đã phải truy nã, điều tra vụ án gặp nhiều khó khăn, kéo dài, xét thấy cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đó là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Ngoài ra bị cáo có mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S được Bộ Tư lệnh Quân khu I cấp Giấy chứng nhận dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tù chung thân xét thấy là quá nghiêm khắc, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm là người giúp sức, mặt khác bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, vật chứng đã được thu hồi. Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5] Vật chứng vụ án: Đối với 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, do Cơ quan điều tra thu giữ, xét thấy không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo. Đối với 02 điện thoại di động Iphone màu vàng, đã qua sử dụng có số model A1784 và số Emei 354388061449048, trong quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, xác định cả hai chiếc điện thoại nêu trên, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, để sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với Trịnh Đức N và Dương Thị H2, vợ của N, trú tại số nhà 9, ngõ 99/145/2, tổ 14, phường Đ C, quận H M, thành phố Hà Nội, quá trình điều tra, N khai được bạn là Lý Hồng Q, là con trai của Nguyễn Thị T nhờ N cho mẹ đẻ thuê trọ, N Không biết T bị truy nã, nên đã cho T thuê trọ từ tháng 6/2019 đến khi bị bắt.

Đối với Lý Hồng Q, (con trai bị cáo T), trong quá trình điều tra Q khai biết mẹ đẻ bị truy nã, nhưng không biết trốn ở đâu, năm 2019 nhận được điện thoại của T hẹn gặp tại đường TS, Hà Nội. Khi gặp, Q có gọi điện thoại cho Trịnh Đức N và Dương Thị H2 đến cùng ăn cơm. Q không đặt vấn đề nhờ vợ chồng N cho T thuê trọ, do chỉ có lời khai của N về việc Q nhờ N cho mẹ đẻ là Nguyễn Thị T thuê trọ, nên cơ quan điều tra không xử lý Q và N về hành vi che giấu tội phạm, là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, (nay là điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **20** (Hai mươi) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/4/2020).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

- Tạm giữ 02 điện thoại di động Iphone màu vàng, đã qua sử dụng có số model A1784 và số Emei 354388061449048 của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra (C04) Bộ Công an và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 18/11/2020).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Hồng Giang

